

An Giang, ngày 01 tháng 11 năm 2021

Số: 11-TVHD/ĐKTTVAG-DB

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN HẠN DÀI
TỈNH AN GIANG
(Tháng 11/2021, từ ngày 01/11 đến ngày 30/11/2021)**

1. Nhận xét tình hình thủy văn tháng 10/2021 (Từ ngày 01÷31/10/2021)

Trong nửa đầu tháng 10/2021, mực nước các trạm thượng nguồn sông Mekong khu vực từ dưới Kratie biến đổi chậm. Từ ngày 15-23/10, do ảnh hưởng lượng mưa lớn trên lưu vực nên xuất hiện đợt lũ với biên độ lũ lên tại các trạm từ dưới Kratie khoảng 0.80-3.30m, đỉnh lũ đợt này xuất hiện vào khoảng từ ngày 21-23/10.

Do ảnh hưởng lượng nước lũ từ sông Mekong, kết hợp kỳ triều cường Rằm tháng 9 Âm Lịch, mực nước tại các trạm trên hệ thống sông Tiền, sông Hậu lên nhanh và đạt giá trị cao nhất trong tuần cuối tháng, mực nước cao nhất khu vực đầu nguồn trên sông Hậu tại Khánh An là 3.61m (ngày 24/10), dưới BĐI 0.59m; tại Châu Đốc là 2.57m (ngày 21-23/10), dưới BĐI 0.43m; trên sông Tiền tại Tân Châu là 2.79m (ngày 22/10), dưới BĐI 0.71m.

Vùng hạ lưu sông, mực nước cao nhất trên sông Hậu tại Long Xuyên là 2.35m (ngày 22/10), trên BĐII 0.15m; trên rạch Ông Chưởng tại Chợ Mới, mực nước cao nhất là 2.43m (ngày 22/10), cao hơn BĐI 0.06m; trên sông Vàm Nao tại Vàm Nao là 2.51m (ngày 22/10), trên BĐI 0.01m.

Mực nước cao nhất tháng 10 tại các trạm đầu nguồn sông Cửu Long và vùng hạ lưu sông đều ở mức thấp hơn cùng kỳ 2020 từ 0.05-0.25m, mực nước thấp nhất tại các trạm đều cao hơn từ 0.10-0.40m so với cùng kỳ 2020.

Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX), do ảnh hưởng thủy triều từ sông Hậu, kết hợp đợt mưa lớn nội vùng nên mực nước tại các trạm lên dần và đạt giá trị cao nhất trong tuần cuối tháng, ở mức thấp hơn cùng kỳ 2020 từ 0.05-0.25m; mực nước thấp nhất xuất hiện trong những ngày đầu tháng, hầu hết ở mức xấp xỉ và thấp hơn từ 0.05-0.10m so với cùng kỳ 2020.

2. Dự báo thủy văn tháng 11/2021 (Từ ngày 01÷30/11/2021)

Mực nước tại các trạm thượng nguồn sông Mekong xuống dần, tổng lượng dòng chảy sông Mekong về đầu nguồn sông Cửu Long ở mức cao hơn so với trung bình nhiều năm khoảng từ 10-20%.

Mực nước cao nhất tại các trạm đầu nguồn sông Cửu Long và vùng hạ lưu sông xuất hiện trong tuần đầu tháng, ở mức xấp xỉ và thấp hơn cùng kỳ 2020 từ 0.15-0.20m; mực nước thấp nhất xuất hiện trong tuần cuối tháng, đều ở mức cao hơn cùng kỳ 2020 từ 0.05-0.30m.

Vùng hạ lưu sông, mực nước cao nhất tháng trên sông Hậu tại Long Xuyên có khả năng ở mức xấp xỉ BĐIII; trên rạch Ông Chường tại Chợ Mới ở mức xấp xỉ đến trên BĐII; trên sông Vàm Nao tại trạm Vàm Nao, mực nước cao nhất tháng có khả năng ở mức xấp xỉ BĐI.

Khu vực nội đồng TGLX, mực nước cao nhất tháng tại các trạm có khả năng xuất hiện trong tuần đầu tháng, mực nước thấp nhất xuất hiện trong tuần cuối tháng; mực nước cao nhất, thấp nhất tháng tại các trạm ở mức xấp xỉ và cao hơn cùng kỳ 2020 từ 0.05-0.45m. Mực nước cao nhất tháng trên kênh Núi Chóc Năng Gù tại trạm Vĩnh Hanh, kênh Tri Tôn tại trạm Cô Tô, kênh Ba Thê tại trạm Vọng Thê và kênh Rạch Giá Long Xuyên tại trạm Núi Sập có khả năng ở mức xấp xỉ và cao hơn BĐI từ 0.50-0.10m.

3. Bảng số liệu mực nước thực đo và dự báo:

STT	Trạm	sông, kênh, rạch	Đặc trưng	Mực nước (H) thực đo từ ngày 01/10 đến ngày 31/10			Mực nước (H) dự báo từ ngày 01/11 đến ngày 30/11		
				Ngày xuất hiện	Trị số H (m)	So với cùng kỳ 2020	Ngày xuất hiện	Trị số H (m)	So với cùng kỳ 2020
1	Tân Châu	Tiền	Max	22/10	2.79	-0.09	06/11	2.60	-0.15
			Min	03/10	1.59	0.38	27/11	1.15	0.30
2	Chợ Mới	Ông Chường	Max	22/10	2.43	-0.15	06/11	2.45	0.00
			Min	03/10	0.87	0.21	27/11	0.65	0.10
3	Khánh An	Hậu	Max	24/10	3.61	-0.07	06/11	3.40	-0.17
			Min	04/10	2.28	0.11	30/11	1.80	0.23
4	Châu Đốc	Hậu	Max	22/10	2.57	-0.18	06/11	2.50	-0.17
			Min	03/10	1.28	0.27	27/11	0.90	0.08
5	Long Xuyên	Hậu	Max	22/10	2.35	-0.22	06/11	2.45	-0.01
			Min	02/10	0.54	0.09	27/11	0.45	0.01
6	Vàm Nao	Vàm Nao	Max	22/10	2.51	-0.12	06/11	2.52	-0.01
			Min	03/10	1.01	0.22	27/11	0.70	0.06
7	Xuân Tô	Vĩnh Tế	Max	27/10	2.02	-0.25	09/11	2.05	-0.27
			Min	01/10	1.06	0.12	30/11	1.20	0.45
8	Vĩnh Gia	Vĩnh Tế	Max	28/10	1.15	-0.13	09/11	1.30	0.05
			Min	04/10	0.59	-0.09	30/11	0.75	0.22
9	Tri Tôn	Tri Tôn	Max	25/10	1.37	-0.10	07/11	1.50	0.06
			Min	04/10	0.86	0.09	30/11	0.85	0.29
10	Cô Tô	Tri Tôn	Max	30/10	1.37	-0.09	07/11	1.50	0.15
			Min	03/10	0.89	-0.03	30/11	0.90	0.14
11	Lò Gạch	Tám Ngàn	Max	28/10	1.10	-0.05	07/11	1.25	0.20
			Min	04/10	0.55	-0.08	30/11	0.70	0.33
12	Vọng Thê	Ba Thê	Max	21/10	1.39	-0.16	07/11	1.50	0.05
			Min	04/10	0.91	-0.05	30/11	0.95	0.05
13	Vĩnh Hanh	Núi Chóc	Max	24/10	1.88	-0.10	07/11	1.95	0.03

STT	Trạm	sông, kênh, rạch	Đặc trưng	Mức nước (H) thực đo từ ngày 01/10 đến ngày 31/10			Mức nước (H) dự báo từ ngày 01/11 đến ngày 30/11		
				Ngày xuất hiện	Trị số H (m)	So với cùng kỳ 2020	Ngày xuất hiện	Trị số H (m)	So với cùng kỳ 2020
		Năng Gù	Min	4/10	1.13	0.02	30/11	1.10	0.12
14	Núi Sập	Rạch Giá Long Xuyên	Max	21/10	1.46	-0.10	07/11	1.50	0.04
			Min	4/10	0.81	-0.08	30/11	0.95	0.06

Tin phát lúc 16h00' ngày 01/11/2021

Duyệt bản tin: Lưu Văn Ninh

DBV Thủy văn: Phan Minh Đạt

Huỳnh Nguyễn Khánh Loan